

(V/v: giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước)

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi :**

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nagakawa
- Mã chứng khoán : NAG
- Trụ sở chính : Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Công ty xin giải trình chênh lệch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 sau soát xét so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị cấp trên :

STT	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019	Chênh lệch tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (+/-)
1	Doanh thu thuần	518.548.158.561	492.367.743.540	(+)26.180.415.021	(+)5,32%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.462.161.315	7.607.735.680	(+)1.854.425.635	(+)24,38%

2. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp:

STT	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019	Chênh lệch tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (+/-)
1	Doanh thu thuần	551.690.900.544	516.895.870.058	(+)34.795.030.486	(+)6,73%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.797.548.833	7.297.722.226	(-)500.173.393	(-)6,85%

3. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2020	6 tháng năm 2019	Chênh lệch tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (+/-)
1	Doanh thu thuần	595.388.518.398	560.526.468.000	(+)34.862.050.398	(+)6,22%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.108.840.410	10.305.092.104	(-)3.196.251.694	(-)31,02%

Tỷ lệ tăng giảm doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

- Báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị cấp trên: Doanh thu thuần tăng 5,32%, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 24,38% do công ty giảm lượng hàng bán trả lại khiến lợi nhuận gộp tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp: Doanh thu thuần tăng 6,73% nhưng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 6,85% do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và sức ép cạnh tranh Công ty buộc phải thực hiện các chính sách khuyến mại, giảm giá hàng bán để tránh tình trạng hàng tồn kho.

- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất: Doanh thu thuần tăng 6,22% nhưng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 31,02% do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và áp lực cạnh tranh tăng nên Công ty buộc phải thực hiện chính sách khuyến mại để xử lý vấn đề hàng tồn kho và tăng thị phần.

Vậy Công ty Cổ Phần tập đoàn Nagakawa kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu KT, VT



---

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 – 6
Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ đã được soát xét	7 – 49
<i>Bảng cân đối kế toán của đơn vị cấp trên giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	7 – 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	12 – 13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	14 – 48
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	49



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 17 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29 tháng 07 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

***Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 158.886.360.000 VND***

***Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2020: 158.886.360.000 VND***

### **Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc  
Điện thoại : 0211 873 568  
Fax : 0211 873 569  
E-mail : Info@nagakawa.com.vn  
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

### **Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị cấp trên giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 49).

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

***Ban kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên

***Ban Tổng Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2020
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc	

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị cấp trên giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ;
- Lập và trình bày BCTC của đơn vị cấp trên giữa niên độ cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC của đơn vị cấp trên giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vinh Phúc, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Huyền Thương**

Số : 2506.01.01/2020/BCTC-NVT2  
Ngày : 14 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ**  
**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa của đơn vị cấp trên niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Trụ sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị cấp trên giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cấp trên giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>545.894.267.350</b>	<b>556.532.564.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.792.178.196</b>	<b>6.881.534.955</b>
1. Tiền		111		4.792.178.196	6.881.534.955
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>36.764.000.000</b>	<b>38.384.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2a	36.764.000.000	38.384.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>		<b>316.855.712.774</b>	<b>329.010.479.169</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	178.613.886.617	185.340.985.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	31.948.314.218	42.742.808.957
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		108.489.473.589	103.159.808.602
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6a	895.946.717	858.784.077
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(3.091.908.367)	(3.091.908.367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>186.411.949.266</b>	<b>181.468.406.096</b>
1. Hàng tồn kho		141		196.494.173.529	185.926.196.398
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(10.082.224.263)	(4.457.790.302)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>1.070.427.114</b>	<b>788.143.875</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9a	1.070.427.114	788.143.875
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.664.120.037</b>	<b>52.673.439.509</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.725.832.780</b>	<b>11.371.235.290</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.965.781.640	10.756.683.415
<i>Nguyên giá</i>	222		90.041.720.087	90.041.720.087
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(80.075.938.447)	(79.285.036.672)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	760.051.140	614.551.881
<i>Nguyên giá</i>	228		1.190.562.600	949.712.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(430.511.460)	(335.160.719)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>70.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	70.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>39.473.127.757</b>	<b>39.509.549.871</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.347.000.000	27.347.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.000.000.000	12.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.873.872.243)	(4.837.450.129)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>965.159.500</b>	<b>1.222.654.342</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	965.159.500	1.222.654.342
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>597.558.387.387</b>	<b>609.206.003.604</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>397.822.499.473</b>	<b>408.881.495.249</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>397.822.499.473</b>	<b>408.881.495.249</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	84.476.704.408	64.963.959.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.617.569.354	3.646.055.770
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.373.250.627	13.102.736.639
4. Phải trả người lao động	314		761.483.000	684.190.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.325.908.275	1.164.540.419
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	8.479.265.426	404.402.319
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	282.773.238.001	321.579.158.761
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	4.625.270.833	3.187.472.660
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	389.809.549	148.979.031
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>199.735.887.914</b>	<b>200.324.508.355</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>199.735.887.914</b>	<b>200.324.508.355</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.886.360.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.886.360.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.915.984.116	5.313.907.820
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.261.453.798	30.452.150.535
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.799.292.483	18.055.560.680
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.462.161.315	12.396.589.855
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>597.558.387.387</b>	<b>609.206.003.604</b>

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	518.582.746.997	510.116.962.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	34.588.436	17.749.218.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		518.548.158.561	492.367.743.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	480.540.493.443	458.854.114.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.007.665.118	33.513.628.909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.157.341.070	2.291.038.548
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.316.228.118	13.147.975.094
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.824.315.316	12.957.615.140
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.680.536.390	9.011.005.022
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.311.407.881	4.034.081.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.856.833.799	9.611.605.893
11. Thu nhập khác	31	VI.7	306.922.603	391.458.627
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	456.699.909
13. Lợi nhuận khác	40		306.922.603	(65.241.282)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.163.756.402	9.546.364.611
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.701.595.087	1.938.628.931
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>9.462.161.315</u>	<u>7.607.735.680</u>

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.163.756.402	9.546.364.611
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		886.252.516	1.585.732.620
- Các khoản dự phòng	03		7.098.654.248	3.167.853.740
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(355.308.111)	109.757.690
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.531.807.495)	(1.991.277.099)
- Chi phí lãi vay	06		11.824.315.316	12.957.615.140
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.085.862.876	25.376.046.720
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.600.474.789	280.147.450
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.567.977.131)	(10.802.551.907)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		19.330.992.825	28.178.761.782
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.788.397)	319.862.554
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.863.305.444)	(13.246.238.429)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.375.237.407)	(596.170.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>34.186.022.111</b>	<b>29.509.857.701</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(330.850.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.480.000.000)	(31.382.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.100.000.000	14.598.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.247.447.824	1.463.346.029
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.536.597.824</b>	<b>(15.320.653.971)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	458.467.252.264	415.916.214.41
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(497.274.521.747)	(435.765.765.848)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.471.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(38.807.269.483)</b>	<b>(19.857.023.183)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.084.649.548)</b>	<b>(5.667.819.453)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.881.534.955</b>	<b>11.559.228.44</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.707.211)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.792.178.196</b>	<b>5.891.408.99</b>

Người lập biểu

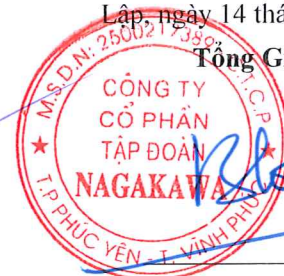
Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

- Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. **Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020:** 52 người

6. **Hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Năm 2020, Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao, thị phần trong ngành tăng, uy tín và vị thế của Công ty được nâng tầm và có đủ khả năng cạnh tranh với các thương hiệu uy tín khác.

7. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các Công ty con:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKL</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%

*Các Công ty liên doanh liên kết:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKL</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Gia công may mặc	48%	48%

*Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

### **8. Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ:**

Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.129 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.309 VND/USD.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **i. Chứng khoán kinh doanh:**

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

#### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu thuần đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *a) Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### 19. Công cụ tài chính

#### a) Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### **c) Công cụ vốn chủ sở hữu**

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	485.336.634	3.450.226.405
Tiền gửi ngân hàng	4.306.841.562	3.431.308.550
<b>Cộng</b>	<b><u>4.792.178.196</u></b>	<b><u>6.881.534.955</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	36.764.000.000	36.764.000.000	38.384.000.000	38.384.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>36.764.000.000</u></b>	<b><u>36.764.000.000</u></b>	<b><u>38.384.000.000</u></b>	<b><u>38.384.000.000</u></b>

(\*) Là các số tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An với số tiền 6.500.000.000 VND, số tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng với số tiền 8.000.000.000 VND và số tiết kiệm 12 tháng với số tiền 20.000.000.000 VND. Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An. (Xem thuyết minh V.17).

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long phát hành số 15/2020/HĐTĐ/PVBTL-NAG ngày 24/2/2020, số tiền gửi 1.280.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐTĐ/PVBTL-NAGAKAWA ngày 24/2/2020, để thực hiện bảo lãnh công trình.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long phát hành số 11/2019/HĐTĐ/PVBTL-NAG ngày 24/04/2018, số tiền gửi 984.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 02/2019/HĐTĐ/PVBTL-NAGAKAWA ngày 24/04/2019, để thực hiện bảo lãnh công trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>27.347.000.000</b>	<b>(4.873.872.243)</b>	<b>22.473.127.757</b>	<b>27.347.000.000</b>	<b>(4.837.450.129)</b>	<b>22.509.549.8</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa (1)	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.0
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng (2)	2.600.000.000	-	2.600.000.000	2.600.000.000	-	2.600.000.0
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh (3)	4.947.000.000	(4.873.872.243)	73.127.757	4.947.000.000	(4.837.450.129)	109.549.8
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa (4)	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.0
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000.000.0</b>
Công ty Cổ phần may K LW Việt Nam (5)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.0
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.0</b>
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam (6)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.0
<b>Cộng</b>	<b>44.347.000.000</b>	<b>(4.873.872.243)</b>	<b>39.473.127.757</b>	<b>44.347.000.000</b>	<b>(4.837.450.129)</b>	<b>39.509.549.8</b>

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 số 2500386108 ngày 24 tháng 05 năm 2018, vốn điều lệ là 12.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 9.600.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 số 0401789381 ngày 16 tháng 05 năm 2018 với vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 2.600.000.000 VND, tương đương 52% vốn điều lệ.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty đầu tư số 0314005672 lần thứ 4 với vốn điều lệ là 9.700.000.000. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 đơn vị đã góp 4.947.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 số 0107952812 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(5) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may K LW Việt Nam với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương ứng 1.200.000 cổ phần, giá trị cổ phần 12.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết trong tháng 7 năm 2016.

(6) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số 1269, ngày phát hành là 29/6/2018 đến ngày

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

29/06/2028. Số lượng trái phiếu là 500 với giá trị là 5.000.000.000 VND. Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(4.837.450.129)
Trích lập dự phòng bổ sung	(36.422.114)
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(4.873.872.243)</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>173.561.038.327</i></b>	<b><i>179.964.281.088</i></b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	72.366.530.870	44.952.642.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	16.745.007.347	19.312.843.381
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	27.175.528.705	28.818.498.398
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	20.063.750.013	17.170.917.553
Công ty Cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh	37.210.221.392	69.709.379.677
<b><i>Phải thu các khách hàng khác (*)</i></b>	<b><i>5.052.848.290</i></b>	<b><i>5.376.704.812</i></b>
Ban QLDA các công trình Bưu điện-Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	-	773.272.227
Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên	982.456.000	2.218.875.000
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI TI KI	672.604.098	-
Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	452.070.000	660.488.000
Phải thu các khách hàng khác	2.945.718.192	1.724.069.585
<b>Cộng</b>	<b><u>178.613.886.617</u></b>	<b><u>185.340.985.900</u></b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b><i>17.480.000.000</i></b>	<b><i>25.559.399.742</i></b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	8.079.399.742
Bà Đào Thị Soi (*)	17.480.000.000	17.480.000.000
<b><i>Trả trước cho người bán khác (**)</i></b>	<b><i>14.468.314.218</i></b>	<b><i>17.183.409.215</i></b>
Công ty cổ phần xây dựng cơ điện lạnh Việt Nam	4.532.917.246	5.055.185.818
HIGH ACE INDUSTRIES SDN.BHD	2.258.499.069	-
Các nhà cung cấp khác	7.676.897.903	12.128.223.397
<b>Cộng</b>	<b><u>31.948.314.218</u></b>	<b><u>42.742.808.957</u></b>

(\*) Theo hợp đồng mua bán nhà số 25.11/HĐMN/NAG2019 ngày 25/11/2019 giữa Bà Đào Thị Soi và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, thực hiện chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội)

- Thửa đất số: 20

- Tờ bản đồ số: 16

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

- Địa chỉ: 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Tài sản gắn liền với đất: Nhà Bê tông
- Giá trị chuyển nhượng: 7.800.000.000 VND
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 14 tháng 02 năm 2020.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 04.10/HĐMB/NAG2019 ngày 04/10/2019 giữa Bà Đào Thị Soi và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 99
- Tờ bản đồ số: 16
- Địa chỉ: Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- Tài sản gắn liền với đất: Không có
- Giá trị chuyển nhượng: 10.600.000.000 VND
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 03 tháng 03 năm 2020.

(\*\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Chi tiết về các khoản cho vay trong kỳ của đơn vị như sau:

	Số đầu năm	Số tiền cho vay phát sinh trong kỳ		Số tiền cho vay đã thu trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Cho vay cá nhân</b>	-	5.400.000.000		(5.400.000.000)	-
Bà Nguyễn Thị Kim Thúy	-	2.400.000.000		(2.400.000.000)	-
Ông Bùi Bá Cao	-	3.000.000.000		(3.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	-	<b>5.400.000.000</b>		<b>(5.400.000.000)</b>	-

**6. Phải thu ngắn hạn khác****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	7.488.144	-	255.877.749	-
Bảo hiểm xã hội	12.750	-	200	-
Ký cược, ký quỹ	198.959.028	-	197.779.004	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	689.486.795	-	405.127.124	-
<i>Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, trái phiếu</i>	<i>689.486.795</i>	<i>-</i>	<i>405.127.124</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>895.946.717</b>	<b>-</b>	<b>858.784.077</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu khác dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(3.091.908.367)	-	(3.091.908.367)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(3.091.908.367)</b>	<b>-</b>	<b>(3.091.908.367)</b>

*Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.***8. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	8.990.061.449	-
Nguyên liệu, vật liệu	42.757.876.163	-	41.646.193.581	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	194.256.699	-	206.400.386	-
Thành phẩm	19.252.376.677	-	20.491.520.868	-
Hàng hóa	134.289.663.990	(10.082.224.263)	114.592.020.114	(4.457.790.302)
<b>Cộng</b>	<b>196.494.173.529</b>	<b>(10.082.224.263)</b>	<b>185.926.196.398</b>	<b>(4.457.790.302)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(4.457.790.302)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.636.442.090)
Hoàn nhập dự phòng	12.008.129
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(10.082.224.263)</b>

**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí CCDC xuất dùng	47.754.844	157.860.409
Chi phí thử nghiệm	696.935.098	238.587.781
Chi phí bảo hiểm tài sản	26.022.731	78.068.183
Chứng nhận sản phẩm hợp quy +QCVN	167.775.654	234.155.062
Bảo trì phần mềm kế toán	42.240.714	53.079.389
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	73.439.787	-
Chi phí trả trước khác	16.258.286	26.393.051
<b>Cộng</b>	<b>1.070.427.114</b>	<b>788.143.875</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	290.103.375	369.520.120
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	295.325.170	359.496.292
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy, văn phòng	-	4.292.710
Chi phí mua phần mềm Win bản quyền, PM khai báo hải quan	22.203.495	26.664.452
Hệ thống làm mát nhà xưởng	338.327.460	421.347.126
Chi phí trả trước khác	19.200.000	41.333.642
<b>Cộng</b>	<b><u>965.159.500</u></b>	<b><u>1.222.654.342</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.099.032.329	59.967.793.068	1.191.973.334	356.168.280	426.753.076	90.041.720.087
Tăng do mua sắm	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.099.032.329</b>	<b>59.967.793.068</b>	<b>1.191.973.334</b>	<b>356.168.280</b>	<b>426.753.076</b>	<b>90.041.720.087</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	6.402.739.882	58.187.135.435	1.191.973.334	156.607.280	43.578.637	65.982.034.568
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	17.792.292.968	59.784.757.676	1.191.973.334	242.529.385	273.483.309	79.285.036.672
Tăng do trích khấu hao	643.595.343	89.032.884	-	19.956.102	38.317.446	790.901.775
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.435.888.311</b>	<b>59.873.790.560</b>	<b>1.191.973.334</b>	<b>262.485.487</b>	<b>311.800.755</b>	<b>80.075.938.447</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	10.306.739.361	183.035.392	-	113.638.895	153.269.767	10.756.683.415
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.663.144.018</b>	<b>94.002.508</b>	<b>-</b>	<b>93.682.793</b>	<b>114.952.321</b>	<b>9.965.781.640</b>

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 25.227.772.202 VND và 8.065.266.212 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	949.712.600	335.160.719	614.551.881
Tăng trong kỳ	240.850.000	95.350.741	145.499.259
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.190.562.600</u></b>	<b><u>430.511.460</u></b>	<b><u>760.051.140</u></b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>14.887.979.214</i>	<i>13.144.217.225</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	5.785.653.146	11.245.653.146
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	8.132.329.568	-
Công ty Cổ phần Máy KLV Việt Nam	969.996.500	-
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	-	607.935.008
Công ty cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.290.629.071
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>69.588.725.194</i>	<i>51.819.742.425</i>
PT ARISAMANDIRI PRATAMA	46.110.327.723	17.045.298.629
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	6.591.165.740	3.848.721.394
NINGBO AUX ELECTRIC CO., LTD	2.542.807.247	1.014.731.419
Công ty Cổ phần DTL Thăng Long	3.328.046.411	1.897.433.482
Các nhà cung cấp khác	11.016.378.073	28.013.557.501
<b>Cộng</b>	<b><u>84.476.704.408</u></b>	<b><u>64.963.959.650</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.214.902.800</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Máy KLV Việt Nam	1.214.902.800	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>2.402.666.554</i>	<i>3.646.055.770</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Cao Bằng	2.352.666.554	2.896.356.739
Khách hàng trả trước khác	50.000.000	749.699.031
<b>Cộng</b>	<b><u>3.617.569.354</u></b>	<b><u>3.646.055.770</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.285.407.860	-	2.240.072.428	(2.536.873.504)	2.988.606.784	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	27.090.007.436	(27.090.007.436)	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.200.308.411	-	23.653.385.547	(23.666.518.108)	4.187.175.850	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.492.370.523	(1.492.370.523)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.128.675.550	-	1.701.595.087	(4.375.237.407)	2.455.033.230	
Thuế thu nhập cá nhân	33.239.574	-	61.905.898	(60.544.455)	34.601.017	
Tiền thuê đất	-	-	235.587.912	-	235.587.912	
Các loại thuế khác	455.105.244	-	20.140.590	(3.000.000)	472.245.834	
<b>Cộng</b>	<b>13.102.736.639</b>	<b>-</b>	<b>56.495.065.421</b>	<b>(59.224.551.433)</b>	<b>10.373.250.627</b>	

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế tiêu thụ đặc biệt***

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh điều hòa dưới 90.000 BTU với thuế suất 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí chương trình trúng thưởng	1.626.229.700	-
Chi phí lãi vay phải trả	699.678.575	824.855.783
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	339.684.636
<b>Cộng</b>	<b>2.325.908.275</b>	<b>1.164.540.419</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>130.167.398</b>	<b>45.329.041</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	130.167.398	45.329.041
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>8.349.098.028</b>	<b>359.073.278</b>
Kinh phí công đoàn	154.412.313	109.516.813
Bảo hiểm y tế	386.550	-
Bảo hiểm thất nghiệp	424.700	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.193.874.465	249.556.465
<b>Cộng</b>	<b>8.479.265.426</b>	<b>404.402.319</b>

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.221.000.000</b>	<b>5.221.000.000</b>	<b>5.221.000.000</b>	<b>5.221.000.000</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (c)	5.221.000.000	5.221.000.000	5.221.000.000	5.221.000.000
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>277.552.238.001</b>	<b>277.552.238.001</b>	<b>316.358.158.761</b>	<b>316.358.158.761</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (a)	105.368.260.735	105.368.260.735	101.584.203.685	101.584.203.685
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long - PGD Lê Trọng Tấn	-	-	32.680.898.676	32.680.898.676
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (b)	172.183.977.266	172.183.977.266	182.093.056.400	182.093.056.400
<b>Cộng</b>	<b>282.773.238.001</b>	<b>282.773.238.001</b>	<b>321.579.158.761</b>	<b>321.579.158.761</b>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020/-HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 21 tháng 01 năm 2020 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tới ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thời hạn vay của từng Khoản Nợ không quá 07 tháng. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

+ Xe ô tô con Kia Sorento, BKS 30A-627.65, thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAGHN ký ngày 10 tháng 04 năm 2018.

+ Xe ô tô con 09 chỗ hiệu Hyundai Grand, BKS88A-178.61, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT320-KLW.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- + Xe ô tô khách 29 chỗ hiệu Thaco HB73S, BKS 88B-008.37 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2018/HĐBĐ/NHCT320-KLV.
- + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 99, Tờ bản đồ số 16, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2018/03/005/HĐTĐ ngày 16/03/2018, số tiền gửi: 8.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2018/HĐCC/NHCT320-NAG ký ngày 16/03/2018.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36924/HĐTĐ ngày 21/02/2020, số tiền gửi: 9.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36925/HĐTĐ ngày 21/02/2020, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36915/HĐTĐ ngày 21/02/2020, số tiền gửi 6.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.
- + Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.
- + Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 10 tháng 07 năm 2018.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2018/07/001/HĐTĐ ngày 03/07/2018, số tiền gửi 1.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 04/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 10/07/2018.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2019/21021 ngày 16/10/2019, số tiền 2.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 1610.2/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 17 tháng 10 năm 2019.
- + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2019/22028 ngày 24/10/2019, số tiền 3.500.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 2410/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 24 tháng 10 năm 2019.
- + Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 666206, số vào sổ cấp GCN: CS29262 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2018 cho ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo HĐCC số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG-ROYAL ngày 15/11/2019.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 750752, số vào sổ cấp GCN: CHO1494.HDD/1461 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2012 cho Ông Nguyễn Đình Tấn và Bà Đào Thị Hoa theo HĐCC số 03/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 11/12/2019.

b) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/367653/HMTD ngày 11 tháng 06 năm 2020, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 250 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 05 năm 2021, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Hương.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả.

+ Thẻ chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo bổ sung số 04/2019/367653/HĐBĐ ngày 01/10/2019.

(c) Là khoản vay Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo các hợp đồng

- Hợp đồng vay tiền ký ngày 11 tháng 09 năm 2019. Số tiền cho vay là 8.000.000.000 VND. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền.

- Hợp đồng vay tiền ký ngày 19 tháng 11 năm 2019. Số tiền cho vay là 1.000.000.000 VND. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Tăng khác (lãi vay nhập gốc)</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>316.358.158.761</b>	<b>458.467.252.264</b>	<b>1.348.723</b>	<b>(497.274.521.747)</b>	<b>277.552.238.001</b>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (a)</i>	<i>101.584.203.685</i>	<i>209.948.642.295</i>	<i>-</i>	<i>(206.164.585.245)</i>	<i>105.368.260.735</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long - PGD Lê Trọng Tấn</i>	<i>32.680.898.676</i>	<i>19.303.123.320</i>	<i>1.348.723</i>	<i>(51.985.370.719)</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (b)</i>	<i>182.093.056.400</i>	<i>229.215.486.649</i>	<i>-</i>	<i>(239.124.565.783)</i>	<i>172.183.977.266</i>
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức bên liên quan</b>	<b>5.221.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.221.000.000</b>
<i>Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (c)</i>	<i>5.221.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.221.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>321.579.158.761</u></b>	<b><u>458.467.252.264</u></b>	<b><u>1.348.723</u></b>	<b><u>(497.274.521.747)</u></b>	<b><u>282.773.238.001</u></b>

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	3.187.472.660
Tăng do trích lập	2.529.743.306
Số sử dụng trong kỳ	(1.091.945.133)
Số hoàn nhập	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.625.270.833</u></b>

**19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	106.285.459	120.415.259	-	226.700.718
Quỹ phúc lợi	42.693.572	120.415.259	-	163.108.831
<b>Cộng</b>	<b><u>148.979.031</u></b>	<b><u>240.830.518</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>389.809.549</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	16.044.090.769	175.525.868.589
Lợi nhuận các chi nhánh chuyển về	-	-	-	-	12.402.049.911	12.402.049.911
Tăng vốn từ lợi nhuận	10.390.580.000	-	-	-	(10.390.580.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	12.396.589.855	12.396.589.855
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>158.886.360.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>5.313.907.820</b>	<b>30.452.150.535</b>	<b>200.324.508.355</b>
Số dư đầu năm nay	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	30.452.150.535	200.324.508.355
Lợi nhuận các chi nhánh chuyển về	-	-	-	-	(1.865.633.238)	(1.865.633.238)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.462.161.315	9.462.161.315
Trích lập các quỹ	-	-	-	602.076.296	(842.906.814)	(240.830.518)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(7.944.318.000)	(7.944.318.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>158.886.360.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>5.915.984.116</b>	<b>29.261.453.798</b>	<b>199.735.887.914</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****b) Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 15 tháng 6 năm 2020, như sau:

	VND
• Chia cổ tức 7% vốn điều lệ	: 7.944.318.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 602.076.296
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 240.830.518

**c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	158.886.360.000	158.886.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>164.558.450.000</u></b>	<b><u>164.558.450.000</u></b>

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.888.636	15.888.636
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.888.636	15.888.636
- Cổ phiếu phổ thông	15.888.636	15.888.636
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.888.634	15.888.634
- Cổ phiếu phổ thông	15.888.634	15.888.634

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	985,59	549,30

**b, Nợ khó đòi đã xử lý**

<b>Đối tượng</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Tràng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b><u>1.116.279.409</u></b>	<b><u>1.116.279.409</u></b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	518.582.746.997	510.116.962.290
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>513.730.019.354</i>	<i>475.868.911.729</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.754.363.634</i>	<i>3.244.363.634</i>
<i>Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>1.098.364.009</i>	<i>31.003.686.927</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(34.588.436)	(17.749.218.750)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(21.754.545)</i>	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(1.298.436)</i>	<i>(17.749.218.750)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(11.535.455)</i>	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>518.548.158.561</b>	<b>492.367.743.540</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>513.695.430.918</i>	<i>458.119.692.979</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>3.754.363.634</i>	<i>3.244.363.634</i>
<i>Doanh thu thuần hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>1.098.364.009</i>	<i>31.003.686.927</i>

**b, Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	185.938.989.810	190.392.706.294
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	5.756.512.695	5.239.458.507
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	3.199.179.272	118.209.600
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	41.648.029.509	33.067.090.000
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	40.333.670.600	51.648.981.000
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	16.536.962.440	36.250.750.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa - Chi nhánh Hà Nội	213.857.491.886	144.087.701.000
<b>Cộng</b>	<b>507.270.836.212</b>	<b>460.804.896.401</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	472.660.595.104	431.187.219.040
Giá vốn của hợp đồng lắp đặt điều hòa	1.322.483.815	24.678.322.357
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	932.980.563	932.702.195
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.624.433.961	2.055.871.039
<b>Cộng</b>	<b>480.540.493.443</b>	<b>458.854.114.631</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phú Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.332.959.730	950.551.057
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.611.465	5.187.413
Lãi tiền cho vay	-	660.538.629
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	193.236.300	375.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	270.225.464	299.761.449
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	355.308.111	-
<b>Cộng</b>	<b>2.157.341.070</b>	<b>2.291.038.548</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.824.315.316	12.957.615.140
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	455.490.688	80.602.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	109.757.694
Dự phòng tổn thất đầu tư	36.422.114	-
<b>Cộng</b>	<b>12.316.228.118</b>	<b>13.147.975.094</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.047.866.482	728.679.667
Chi phí vật liệu, bao bì	690.000	7.895.454
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	35.005.137	35.262.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.936.469	1.660.728
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	3.320.857.103	2.148.895.392
Chi phí quảng cáo	2.596.772.551	1.638.720.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.415.535.990	4.018.967.756
Các chi phí khác	1.217.872.658	430.922.959
<b>Cộng</b>	<b>12.680.536.390</b>	<b>9.011.005.022</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.518.990.623	2.080.691.680
Chi phí vật liệu quản lý	45.875.098	49.248.068
Chi phí đồ dùng văn phòng	231.408.944	138.620.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.031.102	71.031.102
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.231.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.453.879	464.618.291
Các chi phí khác	1.031.648.235	1.226.640.208
<b>Cộng</b>	<b>4.311.407.881</b>	<b>4.034.081.448</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Linh kiện được bảo hành miễn phí	-	31.038.175
Nhà cung cấp hỗ trợ phát triển thị trường	294.475.230	-
Thu nhập khác	12.447.373	360.420.452
<b>Cộng</b>	<b>306.922.603</b>	<b>391.458.627</b>

**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản truy thu phạt, chậm nộp thuế, BHXH	-	456.695.369
Chi phí khác	-	4.540
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>456.699.909</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.163.756.402	9.546.364.611
Lợi nhuận tại chi nhánh	(1.413.130.788)	(2.407.841.651)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.242.650.179)	2.554.621.694
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.831.515	2.554.621.694
<i>Tiền phạt truy thu thuế theo thanh tra thuế, hải quan</i>	-	456.695.369
<i>Loại trừ khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ</i>	8.831.515	98.128
<i>Lỗi chưa thực hiện từ các nghiệp vụ bán hàng nội bộ</i>	-	2.097.828.197
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.251.481.694)	-
<i>Lãi chưa thực hiện từ các nghiệp vụ bán hàng nội bộ</i>	(1.251.481.694)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.507.975.435</b>	<b>9.693.144.654</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.701.595.087</b>	<b>1.938.628.931</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	81.570.235	23.195.276.429
Chi phí nhân công	4.694.271.635	2.952.883.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	886.252.516	1.585.732.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.963.987.890	6.264.158.328
Chi phí trạm bảo hành	3.320.857.103	2.412.432.301
Chi phí bằng tiền khác	2.377.358.467	4.121.544.471
<b>Cộng</b>	<b>19.324.297.846</b>	<b>40.532.028.104</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

### 11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

### Giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc	-	253.383.449
Lãi tiền vay nhập gốc	1.348.723	-
<b>Cộng</b>	<b>1.348.723</b>	<b>253.383.449</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### *A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Ban điều hành và cá nhân có liên quan</i>		
Thu tiền tạm ứng	41.450.000	359.378.000
Chi tiền tạm ứng	41.450.000	359.378.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý là chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	510.962.000	526.063.926
<b>Cộng</b>	<b>510.962.000</b>	<b>526.063.926</b>

#### **B, Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	Công ty con
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền bán hàng	204.532.888.791	209.431.976.923
+ Giá trị chưa thuế	185.938.989.810	190.392.706.294
+ Thuế GTGT đầu ra	18.593.898.981	19.039.270.629
Mua hàng hóa	14.631.729.310	43.195.987.021
+ Giá trị chưa thuế	13.301.572.100	39.269.079.110
+ Thuế GTGT đầu vào	1.330.157.210	3.926.907.911
Trả tiền hàng	8.120.000.000	25.554.589.224
Thu tiền tạm ứng	9.700.000.000	
Thu tiền bán hàng	177.119.000.000	198.700.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	6.231.363.966	5.763.404.358
+ Giá trị chưa thuế	5.664.876.333	5.239.458.507
+ Thuế GTGT đầu ra	566.487.633	523.945.851
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	100.800.000	100.800.000
+ Giá trị chưa thuế	91.636.362	91.636.362
+ Thuế GTGT đầu ra	9.163.638	9.163.638
Thu tiền bán hàng	8.900.000.000	8.220.000.000
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	5.460.000.000	4.370.857.146
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.675.245.000
+ Giá trị chưa thuế	-	1.522.950.000
+ Thuế GTGT đầu vào	-	152.295.000
Hàng bán trả lại	-	19.206.495
+ Giá trị chưa thuế	-	17.460.450
+ Thuế GTGT đầu ra	-	1.746.045
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán hàng	51.097.200	130.030.560
+ Giá trị chưa thuế	46.452.000	118.209.600
+ Thuế GTGT đầu ra	4.645.200	11.820.960
Phải thu tiền cho thuê kho, thuê xe	3.468.000.000	3.468.000.000
+ Giá trị chưa thuế	3.152.727.272	3.152.727.272
+ Thuế GTGT đầu ra	315.272.728	315.272.728

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	5.766.642.200	-
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	5.242.402.000	-
+ <i>Thuế GTGT đầu vào</i>	524.240.200	-
Trả tiền mua hàng	4.796.645.700	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.734.000.000	4.278.000.000
Tiền cho vay ngắn hạn	-	7.598.000.000
Thu tiền cho vay ngắn hạn	-	7.598.000.000
Lãi vay phải thu	-	12.730.411
Tiền lãi vay đã thu	-	12.730.411
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	-	14.242.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	-	10.752.000.000
Lãi vay phải trả	260.334.796	148.646.849
Trả tiền lãi vay	175.496.439	333.061.769
<b>Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	45.812.832.460	36.373.799.000
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	41.648.029.509	33.067.090.000
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	4.164.802.951	3.306.709.000
Hàng bán trả lại	-	3.046.635.900
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	-	2.769.669.000
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	-	276.966.900
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.920.000.000	30.885.000.000
<b>Công ty cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	18.190.658.684	39.875.825.000
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	16.536.962.440	36.250.750.000
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	1.653.696.244	3.625.075.000
Hàng bán bị trả lại	-	319.803.000
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	-	290.730.000
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	-	29.073.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.390.404.330	23.512.000.000
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	2.008.783.568	-
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	1.826.166.880	-
+ <i>Thuế GTGT đầu vào</i>	182.616.688	-
Bù trừ công nợ	3.299.412.639	-
<b>Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	43.806.037.660	56.813.879.100
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	39.823.670.600	51.648.981.000
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	3.982.367.060	5.164.898.100
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.530.000.000	74.255.000.000
Bù trừ công nợ	3.235.677.553	-
Chuyển công nợ phải trả BIDV - CNHN sang NAE	244.329.800	-
Hàng bán trả lại	-	12.331.605.330
+ <i>Giá trị chưa thuế</i>	-	11.210.550.300
+ <i>Thuế GTGT đầu ra</i>	-	1.121.055.030
Phân bổ chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	-	2.809.012.427

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
+ Giá trị chưa thuế	-	2.553.647.661
+ Thuế GTGT đầu ra	-	255.364.766
Phải thu về thuê kho	561.000.000	-
+ Giá trị chưa thuế	510.000.000	-
+ Thuế GTGT đầu ra	51.000.000	-
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	2.627.742.545	-
+ Giá trị chưa thuế	2.388.856.856	-
+ Thuế GTGT đầu vào	238.885.689	-

### Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa - Chi nhánh Hà Nội

Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	235.243.241.075	158.496.471.100
+ Giá trị chưa thuế	213.857.491.886	144.087.701.000
+ Thuế GTGT đầu ra	21.385.749.189	14.408.770.100
Phân bổ chi phí quảng cáo và hội nghị khách hàng	-	1.172.692.173
+ Giá trị chưa thuế	-	1.066.083.793
+ Thuế GTGT đầu ra	-	106.608.380
Hàng bán trả lại	-	3.806.889.900
+ Giá trị chưa thuế	-	3.460.809.000
+ Thuế GTGT đầu ra	-	346.080.900
Bù trừ công nợ với khách hàng khác	-	21.790.500
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.501.500
+ Giá trị chưa thuế	-	1.365.000
+ Thuế GTGT đầu vào	-	136.500
Thu tiền bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	228.456.000.000	159.479.000.000
Phải thu tiền đóng BHXH	408.057.150	220.056.140
Phải thu lợi nhuận chuyển về văn phòng	(1.865.633.238)	12.402.049.911

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.12; V.13; V.16; V.17

## 2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

## **B, Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	282.773.238.001	-	-	282.773.238.001
Phải trả người bán	84.476.704.408	-	-	84.476.704.408
Các khoản phải trả khác	16.191.927.534	-	-	16.191.927.534
<b>Cộng</b>	<b>383.441.869.943</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>383.441.869.943</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	321.579.158.761	-	-	321.579.158.761
Phải trả người bán	64.963.959.650	-	-	64.963.959.650
Các khoản phải trả khác	5.440.605.398	-	-	5.440.605.398
<b>Cộng</b>	<b>391.983.723.809</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>391.983.723.809</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## **C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### **3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.792.178.196	6.881.534.955	4.792.178.196	6.881.534.955
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	36.764.000.000	38.384.000.000	36.764.000.000	38.384.000.000
Phải thu khách hàng	178.171.285.675	184.898.384.958	178.171.285.675	184.898.384.958
Các khoản phải thu khác	109.885.420.306	104.518.592.679	109.885.420.306	104.518.592.679
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	39.473.127.757	39.509.549.871	39.473.127.757	39.509.549.871
<b>Cộng</b>	<b>369.086.011.934</b>	<b>374.192.062.463</b>	<b>369.086.011.934</b>	<b>374.192.062.463</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	282.773.238.001	321.579.158.761	282.773.238.001	321.579.158.761
Phải trả người bán	84.476.704.408	64.963.959.650	84.476.704.408	64.963.959.650
Các khoản phải trả khác	16.191.927.534	5.440.605.398	16.191.927.534	5.440.605.398
<b>Cộng</b>	<b>383.441.869.943</b>	<b>391.983.723.809</b>	<b>383.441.869.943</b>	<b>391.983.723.809</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)**

đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Bích Loan

Huy Thị Dung

Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, Phường Phúc Thảng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CẤP TRÊN GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên giữa niên độ (tiếp theo)****Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539
<b>Cộng</b>		<b>3.091.908.367</b>	<b>3.091.908.367</b>	<b>3.091.908.367</b>

